

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Lô F1-2-3, KCN Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Chung loại: Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “tương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.
- Tiêu chuẩn hàng hóa:
 - + Chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.
 - + Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.
 - + Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.
- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:
 - + Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành.

- Yêu cầu vận chuyển: Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bia	1. Thành phần: Nước, malt đại mạch, gạo, đường, hoa Houblon 2. Độ cồn $4,6 \pm 0,4(\%v/v)$ 3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố 4. Quy cách đóng gói - Thể tích thực ở 20 °C: 330 ml/lon - Thùng 24 lon x 330ml Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trực tiếp trong lon nhôm; bao bì bên ngoài gồm thùng carton. Bao bì sử dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. 5. Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất và kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn và văn bản sau:

		QCVN 6-3:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với đồ uống có cồn
2	Bánh	1. Thành phần: Trứng (22,3%), bột mì, đường, dầu thực vật, chất béo thực vật, chất làm âm (420(ii), 1520, 422), mạch nha maltose, ... 2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: - Ngày sản xuất: 10 tháng kể từ ngày sản xuất - Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố 3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì Quy cách đóng gói : 23.5g x 20 gói Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm : PET/VMCPP 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm : Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành 5. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật ở mức cho phép: Escherichia coli, Salmonella, Tổng số nấm men, Tổng số nấm mốc... 6. Đáp ứng các chỉ tiêu kim loại nặng: Pb, Cd, As, Hg 7. Đáp ứng các chỉ tiêu hàm lượng hoá chất không mong muốn: Hàm lượng Aflatoxin B1, Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2), Hàm lượng Ochratoxin A, Hàm lượng Zearalenone, Hàm lượng Deoxynivalenol (DON), Aflatoxin M1
3	Hạt điều	1. Thành phần : 100% Hạt điều 2. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố 3. Trọng lượng : 500gr 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành
4	Hạt hạnh nhân	1. Thành phần: Hạnh nhân (95%), Bột Phô Mai (4%), Muối (1%), Hương sữa tổng hợp, ... 2. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố. 3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: - Khối lượng tịnh: 390gr - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong túi PE, hộp PE, Bao bì đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành

5	Hộp bánh	1. Thành phần: Bột lúa mì, đường, bơ (từ sữa) (17,16%), dầu thực vật (dầu dừa ... 2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: - Thời hạn sử dụng: 15 tháng kể từ ngày sản xuất. - Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố 3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Chất liệu bao bì: Sản phẩm được sắp xếp vào khay giấy trong bao bì trực tiếp là hộp thiếc và bao bì ngoài là hộp giấy (ngoại trừ quy cách 200 g). Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế. - Quy cách đóng gói: 454 g/hộp
6	Cà phê	1. Thành phần: Bột kem pha cà phê (có chứa sữa - contain milk), đường, cà phê hòa tan nguyên chất (10,3 %), maltodextrin, sữa bột tách kem - skimmed milk powder (2 %), hương liệu giống tự nhiên, muối i-ốt, đường nâu (có chứa lúa mì - contain wheaf), hương liệu tổng hợp (có chứa sữa contain milk), ... 2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố 3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: - Quy cách bao gói: 280 g (10 gói x 28 g)/ hộp - Chất liệu bao bì + Gói 28 g: Màng nhựa PE phức hợp. 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành
7	Kẹo	1. Thành phần: Đường, mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), xoài sấy khô, đào sấy khô, cam sấy khô. hương liệu đào tự nhiên, hương liệu xoài tổng hợp, hương liệu cam giống tự nhiên, 2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn còn sử dụng: Tối thiểu 50% hạn sử dụng nhà sản xuất công bố 3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: - Quy cách: 80 g – Chất liệu bao bì: Bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PET/CPP. Bao bì đạt chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y Tế 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính:

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu theo hạn còn sử dụng của hàng hóa và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn).

- Giao hàng:

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSMT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết

để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.